

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 286/2017/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 12 – 2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm;

Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 739/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 860/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bé T – sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số 38, ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau

* *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị L – sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số 38, ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H

Địa chỉ: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24, đường P, phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Bé T trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị L kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, đã được gia đình hàn gắn hòa giải nhiều lần nhưng không thể tiếp tục chung sống. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Kim Q sinh ngày 30/6/2010. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh T

cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định anh có nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H theo hợp đồng số 2W005421546 ngày 18/12/2016. Anh đã trả cho công ty được một phần. Hiện nay, anh không xác định được anh còn nợ công ty bao nhiêu tiền. Khi ly hôn, anh nhận trách nhiệm tiếp tục thanh toán nợ cho công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H.

Tại bản tự khai, được bổ sung tại phiên tòa chị Huỳnh Thị L trình bày: Chị xác định về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn đúng như lời anh T trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn đúng như anh T trình bày, chị và anh T đã ly thân khoảng 02 tháng. Nay chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Kim Q sinh ngày 30/6/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, thống nhất anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị thống nhất theo yêu cầu của anh T, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định anh chị có nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H, chị không biết còn nợ bao nhiêu tiền. Chị thống nhất anh Nguyễn Bé T có trách nhiệm tiếp trả khoản nợ này.

Đối với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án nhưng Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến, yêu cầu gì đối với anh Nguyễn Bé T và chị Huỳnh Thị L trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Nguyễn Bé T và chị Huỳnh Thị L kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đúng quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Bé T yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị L. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H, Tòa án triệu tập họp lệ Đại diện Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện công ty vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ Đại diện Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đại diện công ty vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Đại diện Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H là đúng quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bé T yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị L với lý do vợ chồng mâu thuẫn từ việc bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cãi, hai bên gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị L. Chị L xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống. Xét thấy anh chị đã thống nhất ly hôn với nhau, vì có mâu thuẫn không thể hàn gắn để chung sống. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Đối với con chung tên Nguyễn Kim Q sinh ngày 30/6/2010, đang chung sống cùng anh chị. Anh chị thống nhất tiếp tục giao con chung Nguyễn Kim Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Sự thỏa thuận của anh chị không trái quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận ghi nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh chị thống nhất xác định có nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 28.140.000đ theo hợp đồng số 2W005421546 ngày 18/12/2016. Anh T đã trả được một phần nhưng không biết đã trả bao nhiêu và hiện nay còn thiếu công ty bao nhiêu. Đến nay, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ nói trên, trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có tranh chấp.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Bé T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bé T được ly hôn với chị Huỳnh Thị L.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Kim Q sinh ngày 30/6/2010 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Bé T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Kim Q đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng. Anh Nguyễn Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả những khoản tiền hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Bé T và chị Huỳnh Thị L xác định có nợ Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H. Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm thanh toán nợ trong vụ án này.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, anh Nguyễn Bé T phải nộp. Ngày 29/9/2017 anh Nguyễn Bé T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0003698 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu. Án phí cấp dưỡng 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Bé T phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Bé T và chị Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu